AC.02.02 LOCAL CODE ENTRY

1. Path:

Financial management/ AC.02 Chart of account(IFRS)/ AC.02.02 Local code Entry

2. Image:

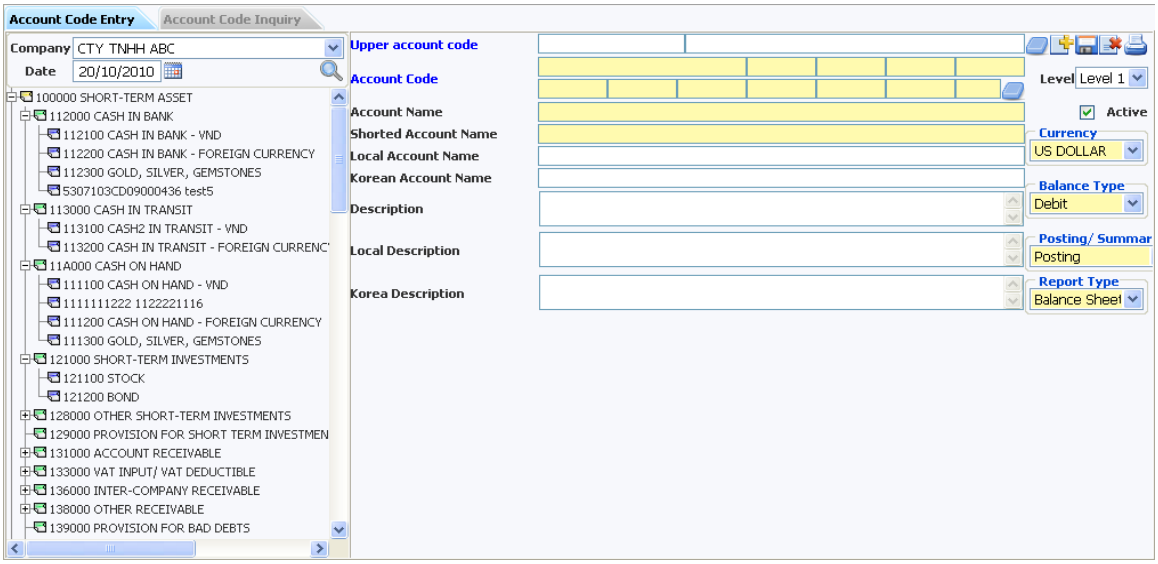

3. Definition:

"AC.02.02 Local code Entry**":** form is where user can create account code(local code) follow Viet Nam account system.

4. How to use:

I. Tab Account Entry:

a) How to use buttons on Form:

- Button : please choose New to make a new Account, When user click the button, the form will be clear to input data.
- Button : please click this button to Save
- Button : user can choose Posting account and press this button to Delete . Form will appear a popup.

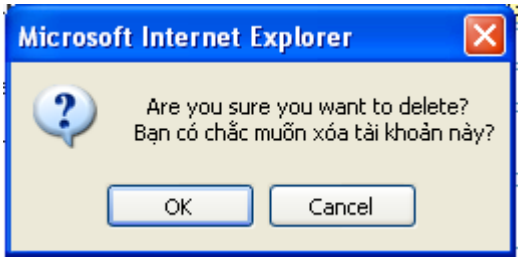

Press OK to delete or Cancel to cancel deleting.

- Button : When user click the button, the next box will be cleared.
- Button : When user click into the button, system will print all into excel file.

b) How to input data in Tab Account code entry:

- Step 1: Firstly: user want to mank a account, please choose Summary account for that account.
- After that: Step 2 press button to make.(If user want to make a new account in the Posting account, we must transfer Posting account into Summary account).
- Input Account Code as Image(input box 110 then input box 400) to make new acc code.
- Input Account Name, Shorted Account Name, Local Account Name, Korean Account Name.
- Description, Local Description: input description.

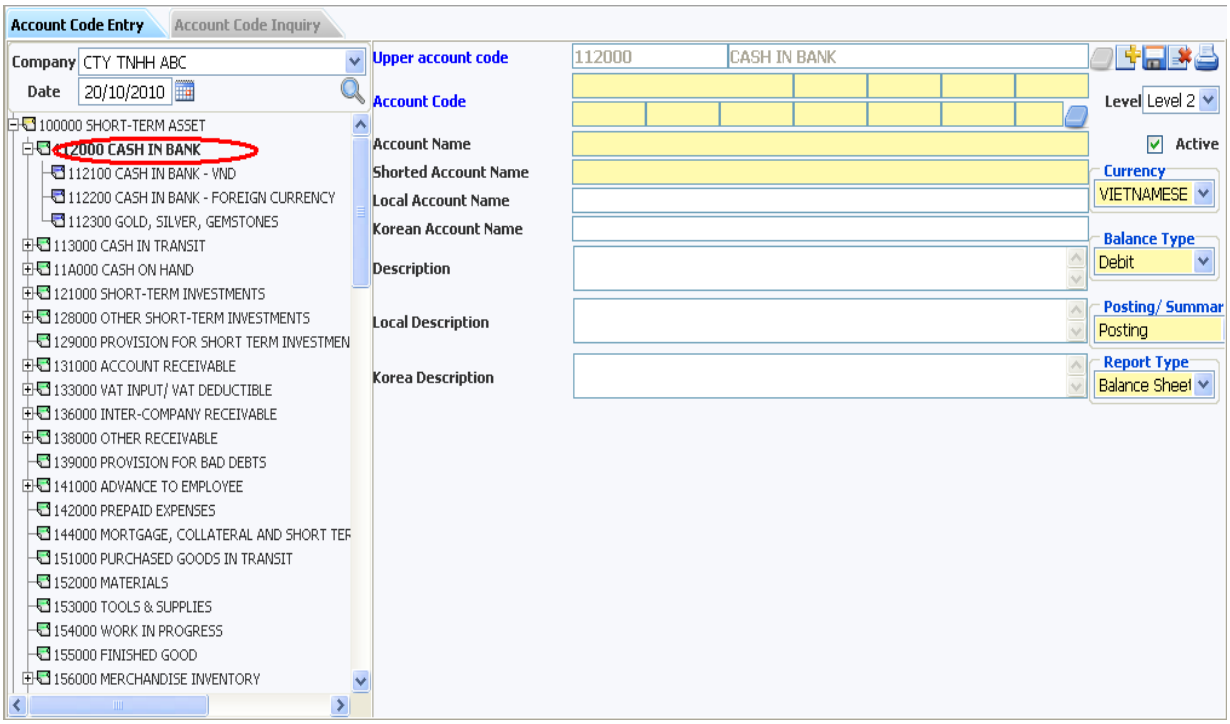

II. Tab Account Code Inquiry:

Người dùng nhấn vào tab này để xem bảng kê mã tài khoản.

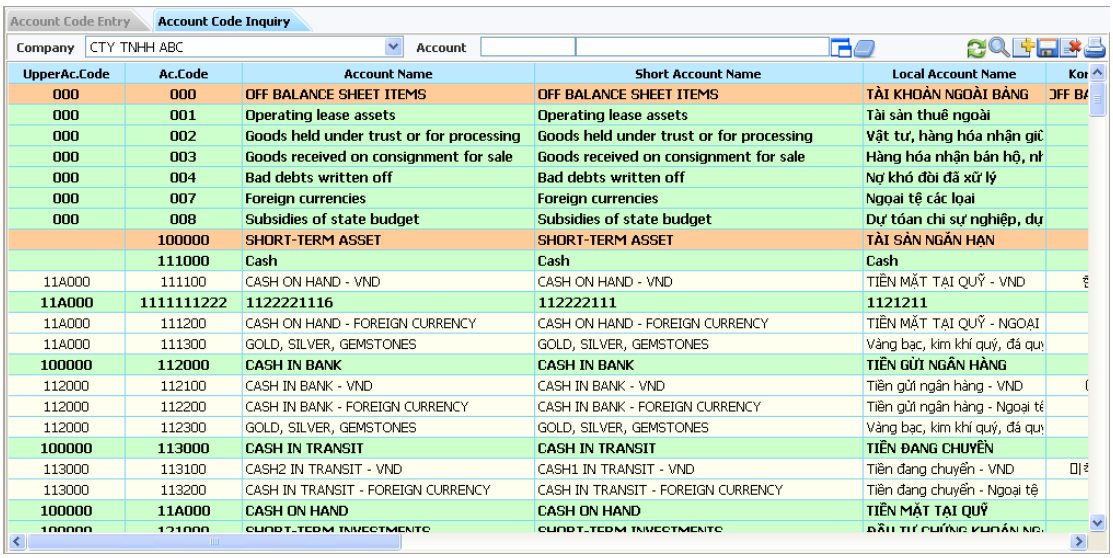

UpperAc.Code	Ac.Code	Account Name	Short Account Name	Local Account Name	Kor
000	000	OFF BALANCE SHEET ITEMS	OFF BALANCE SHEET ITEMS	TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG	OFF BA
000	001	Operating lease assets	Operating lease assets	Tài sản thuê ngoài	
000	002	Goods held under trust or for processing	Goods held under trust or for processing	Vật tư, hàng hóa nhận giữ	
000	003	Goods received on consignment for sale	Goods received on consignment for sale	Hàng hóa nhận bán hộ, nh	
000	004	Bad debts written off	Bad debts written off	Nợ khó đòi đã xử lý	
000	007	Foreign currencies	Foreign currencies	Ngoại tệ các loại	
000	008	Subsidies of state budget	Subsidies of state budget	Dự toán chi sự nghiệp, dự	
	100000	SHORT-TERM ASSET	SHORT-TERM ASSET	TÀI SẢN NGẮN HẠN	
	111000	Cash	Cash	Cash	
11A000	111100	CASH ON HAND - VND	CASH ON HAND - VND	TIỀN MẶT TẠI QUỸ - VND	
11A000	1111111222	1122221116	112222111	1121211	
11A000	111200	CASH ON HAND - FOREIGN CURRENCY	CASH ON HAND - FOREIGN CURRENCY	TIỀN MẶT TẠI QUỸ - NGOẠI	
11A000	111300	GOLD, SILVER, GEMSTONES	GOLD, SILVER, GEMSTONES	Vàng bạc, kim khí quý, đá qu	
100000	112000	CASH IN BANK	CASH IN BANK	TIỀN GỬI NGÂN HÀNG	
112000	112100	CASH IN BANK - VND	CASH IN BANK - VND	Tiền gửi ngân hàng - VND	
112000	112200	CASH IN BANK - FOREIGN CURRENCY	CASH IN BANK - FOREIGN CURRENCY	Tiền gửi ngân hàng - Ngoại tệ	
112000	112300	GOLD, SILVER, GEMSTONES	GOLD, SILVER, GEMSTONES	Vàng bạc, kim khí quý, đá qu	
100000	113000	CASH IN TRANSIT	CASH IN TRANSIT	TIỀN ĐANG CHUYỂN	
113000	113100	CASH2 IN TRANSIT - VND	CASH1 IN TRANSIT - VND	Tiền đang chuyển - VND	
113000	113200	CASH IN TRANSIT - FOREIGN CURRENCY	CASH IN TRANSIT - FOREIGN CURRENCY	Tiền đang chuyển - Ngoại tệ	
100000	11A000	CASH ON HAND	CASH ON HAND	TIỀN MẶT TẠI QUỸ	